

Thời gian hình thành và cơ sở ngữ âm của âm Hán Việt trung cổ

Nguyễn Đình Hiền*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Trung Quốc, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 6 tháng 12 năm 2010

Tóm tắt. Âm Hán Việt (sau đây viết tắt là HV) trung cổ⁽¹⁾ được truyền vào Việt Nam từ khi nào? Giới ngôn ngữ học có những quan điểm rất khác nhau: Vương Lực cho rằng từ thời trung Đường, H.Maspero cho rằng từ thế kỷ thứ 9, thứ 10, Nguyễn Tài Cẩn cho rằng từ thế kỷ thứ 8, thứ 9. Trong bài viết này, nhìn từ góc độ lịch sử và ngôn ngữ, chúng tôi cho rằng âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam từ thế kỷ thứ 6 hoặc trước thế kỷ thứ 6.

Từ khóa. Âm Hán Việt, thanh mẫu, vận mẫu, khai khẩu, hợp khẩu.

1. Thời gian âm Hán Việt trung cổ truyền vào Việt Nam

Vương Lực trong bài “Nghiên cứu về âm HV” [1] mặc dù không trực tiếp đưa ra quan điểm của mình, nhưng căn cứ vào bài viết của ông chúng ta có thể biết được âm HV được truyền vào Việt Nam từ thời trung Đường. Vương Lực không hề đưa ra bất kỳ lý do hay chứng cứ nào. Trong công trình “nghiên cứu ngữ âm lịch sử tiếng Việt - các âm đầu”, H.Maspero căn cứ vào việc âm HV đã có sự phân biệt giữa âm trọng thân và âm khinh thân nên cho rằng âm HV được truyền vào Việt Nam từ thế kỷ thứ 9, thứ 10. Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn [2] cho rằng âm HV được hình thành vào khoảng thế kỷ thứ 8, thứ 9. Căn cứ của ông là: 1. Dụ tam đã tách khỏi hạp nhưng vẫn chưa nhập vào với dụ tứ; 2. Âm

môi đã phân biệt trọng thân và khinh thân; 3. Nhìn từ góc độ chính trị, trước thế kỷ thứ 10 tiếng Việt chịu ảnh hưởng của tiếng Hán, nhưng từ sau thế kỷ thứ 10 tiếng Việt không còn chịu ảnh hưởng của tiếng Hán nữa.

Trước khi đưa ra quan điểm của mình, chúng tôi dựa vào nguyên tắc sau: Nếu như trong đặc điểm âm vận của âm HV trung cổ vừa có đặc điểm âm vận của tiếng Hán thời kỳ A, vừa có đặc điểm âm vận của tiếng Hán thời kỳ B, thời kỳ A trước thời kỳ B, thì âm HV trung cổ phải được truyền vào Việt Nam từ thời kỳ A chứ không phải thời kỳ B. Bởi chỉ có như vậy mới giải thích được tại sao trong âm HV trung cổ có đặc điểm âm vận của tiếng Hán thời kỳ A. Còn trong âm HV trung cổ có đặc điểm âm vận của tiếng Hán thời kỳ B có thể giải thích bằng một trong hai cách sau: 1. Đặc điểm âm vận đó đến thời kỳ B mới được truyền vào Việt Nam; 2. Đặc điểm âm vận đó được truyền vào Việt Nam từ thời kỳ A, nhưng giống như tiếng Hán, sau này ngữ âm của âm HV trung cổ có sự thay đổi. Ngược lại, nếu chúng ta cho rằng âm HV trung cổ đến thời kỳ B

* ĐT: 84-903295462.

E-mail: hienac@yahoo.com

⁽¹⁾ Chúng tôi cho rằng âm HV có ba tầng lớp: âm HV thượng cổ, âm HV trung cổ và âm HV cận đại. Vấn đề này chúng tôi sẽ đề cập đến trong một bài viết khác.

mới truyền vào Việt Nam thì sẽ không giải thích được tại sao âm HV trung cổ lại có đặc điểm âm vận của tiếng Hán thời kỳ A. Nói cách khác, để xác định được thời gian hình thành của âm HV trung cổ chúng ta phải tìm ra được đặc điểm âm vận tiếng Hán cổ xưa nhất còn lưu lại trong âm HV trung cổ.

Theo nguyên tắc này, chúng tôi cho rằng cần phải xem lại quan điểm của các học giả về vấn đề thời gian truyền vào Việt Nam của âm HV trung cổ. Quả thực âm HV trung cổ có rất nhiều đặc điểm âm vận của tiếng Hán trong giai đoạn thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 10, ngoài các đặc điểm mà các học giả đã bàn đến như: âm môi đã phân biệt trọng thần và khinh thần, dụ tam đã tách khỏi thanh mẫu hạp nhưng vẫn chưa nhập vào với dụ tứ, theo như nghiên cứu của Triệu Thành [3] các âm tiết “娑 sa[sɔ¹]、蹉 sa[sɔ¹]、多 đa[da¹]、駝 đà[da²]、佗 đà[da²]、罗 la[la¹]、那 na[na¹]” trong “Quảng vận” được đặt ở vận ca (歌韵) nhưng đến “Tập vận” thì các âm tiết này đã bị chuyển sang vận qua (戈韵)⁽²⁾. Điều này có nghĩa là đến “Tập vận”, những âm tiết này đã có giới âm hợp khẩu [u], trong âm HV trung cổ những từ này vẫn chưa có giới âm [u], nên âm HV trung cổ nhất định là được truyền vào Việt Nam từ trước năm Đinh Độ soạn “Tập vận”- năm 1037.

Đặc điểm thanh điệu “thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ” cũng thể hiện âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam vào thế kỷ thứ 8 đến thế kỷ thứ 10. “Thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ” là hiện tượng phổ biến trong các phương ngôn của tiếng Hán. Đặc điểm âm vận này bắt đầu từ khi nào, và khi nào kết thúc, hiện nay có rất nhiều quan điểm khác nhau. Có người cho rằng hiện tượng này bắt đầu từ thời nhà Tống, có người cho rằng bắt đầu từ cuối thời nhà Đường, có người cho rằng bắt đầu từ thời thịnh Đường, thậm chí lại có người cho rằng bắt đầu từ thời sơ Đường. Lưu Bảo Minh [4] phân tích hiện tượng “thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ” trong các từ có nhiều cách đọc

của “Quảng vận”, ông chỉ ra rằng: “bất kể là sự phân bố của thanh mẫu hay nhiếp vận, hiện tượng thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ ở thời kỳ đó đã rất phổ biến”. Lại Giang Cơ [5] cho rằng: “năm 1161 thời Tống, nhà đặng vận học Trương Lân Chi đã phát hiện ra quy luật thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ, Trương Lân Chi viết “ngày nay thanh thượng của các vần ở vị trí trắc phải đọc thành thanh khứ”. Trong âm HV trung cổ, có 62 chữ âm thượng toàn trắc vẫn đọc âm dương thượng, chiếm 23%, có 148 chữ đọc âm dương khứ chiếm 54.8%. Điều này nói lên rằng trong âm HV quá trình âm thượng toàn trắc biến thành thanh khứ đã đi đến giai đoạn cuối nhưng vẫn chưa kết thúc, thể hiện cục diện thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ của tiếng Hán trước thế kỷ 12.

Song, chúng tôi cho rằng những đặc điểm trên đây không phải là những đặc điểm sớm nhất, cổ xưa nhất của tiếng Hán trong âm HV trung cổ và vì vậy không thể phản ánh chính xác thời gian hình thành của âm HV trung cổ. Sau đây chúng tôi đưa ra những đặc điểm sớm hơn.

1.1. Đặc điểm phụ âm tắc cuối âm tiết

Tường Thiệu Ngu [6] chỉ ra rằng: “Trong các bản chú dịch của Huyền Trang có hiện tượng lẫn lộn giữa các âm cuối -t và -k, thậm chí có hiện tượng dùng âm tiết có âm cuối phụ âm để dịch âm tiết không có âm cuối, trong ‘tiền học giải’ của Hàn Dũ cũng lẫn lộn giữa các âm tiết có âm cuối -t và -k, điều này nói lên rằng thời nhà Đường âm cuối phụ âm của các âm tiết đã suy yếu”. Thi Hường Đông [7] qua nghiên cứu về các văn bản dịch đối âm giữa tiếng Hán và tiếng Phạn của Huyền Trang đưa ra kết luận: “Trong dịch đối âm, có hiện tượng lẫn lộn giữa các âm tiết có vần cuối, trong sự lẫn lộn đó những chữ có thanh nhập nhiều hơn những chữ có thanh dương, trong những chữ có thanh nhập với nhau thì những chữ có âm cuối là âm gốc lưỡi và âm đầu lưỡi lại nhiều hơn những âm có âm cuối là âm môi... những âm tiết có âm cuối là âm môi chỉ lẫn lộn với những âm tiết có âm cuối là phụ âm mũi cùng vị trí phát âm, trong khi đó sự lẫn lộn giữa âm tiết có hai loại âm cuối còn lại kia có

⁽²⁾ Triệu Thành gọi các chữ này là âm tiết bởi chúng đại diện cho một tổ hợp các chữ đồng âm, chúng là chữ đại diện cho một âm tiết.

diện rất rộng, thậm chí mất cả phụ âm cuối để dịch âm tiết không có âm cuối... trong 42 chữ của vòng chữ Viên minh, có dùng 6 chữ có âm tiết cuối là thanh nhập để dịch âm tiết không có âm cuối, chiếm 14%; trong 706 âm tiết dịch âm của Mật chú có 67 lần dùng âm tiết có âm cuối là phụ âm tắc để dịch âm tiết không có âm cuối, chiếm gần 10%. Điều này cho thấy, trong phương ngôn của tiếng Hán trung nguyên thời đầu nhà Đường, vần cuối là phụ âm tắc của các âm tiết đã yếu đi, không những không còn là âm tắc hoàn chỉnh mà đến âm sắc của âm tắc cũng không còn nữa, chỉ còn động tác hướng đến âm tắc của âm môi và âm đầu lưỡi không hoàn chỉnh”.

Trong âm HV trung cổ không có sự lẫn lộn giữa những âm tiết không có vần cuối và âm tiết có vần cuối là phụ âm tắc, cũng không có sự lẫn lộn giữa các âm tiết có âm cuối là phụ âm tắc [-t] và [-k]. Âm cuối của các âm tiết thuộc nhiếp

thông, giang, đăng, tăng là [ŋ], [k], của nhiếp trần và sơn là [n], [t], còn âm cuối của âm tiết thuộc nhiếp canh là âm mặt lưỡi [-ɲ] và [-c] là do sự biến đổi của ngữ âm. Do vậy, nếu căn cứ vào đặc điểm yếu đi của âm cuối các âm tiết chúng ta có thể kết luận được rằng âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam từ trước thời Hàn Dũ (768-824) và Huyền Trang (600-664) sinh sống, có nghĩa là âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam từ thế kỷ thứ 6 hoặc trước thế kỷ thứ 6.

1.2. Cách đọc của nhiếp giang

Trong âm HV trung cổ, nhiếp giang có cách đọc là [aŋ], [ak], song chúng tôi cho rằng đây không phải là cách đọc của nhiếp giang khi truyền vào Việt Nam. Chúng tôi phát hiện ra cách đọc của những chữ thuộc trang tổ của nhiếp giang không phải là [aŋ], [ak] mà là [ɔŋ], [ɔk]:

庄 Trang	初 Sơ	崇 Sùng	生 Sinh
捉 tróc	窗 song、齧 xúc	鐺 trọc, trúc	泷双 song、朔朔 sóc、朔 tổ

“齧” đọc là “xúc [suk⁵]”, “朔” đọc là “tổ [to⁵]”, “鐺” đọc là “trúc [tʰuk⁵]” rất có thể là do ảnh hưởng của thanh phù. Tất cả có 9 chữ thuộc trang tổ của nhiếp giang nhưng không có chữ nào đọc là [aŋ], [ak] mà đại đa số đều đọc là [ɔŋ], [ɔk]. Nhiếp giang vốn là nhiếp có nguyên âm chính tròn môi, các học giả cho rằng nhiếp giang thời trung cổ của tiếng Hán đọc là [ɔŋ], [ɔk]. Trong âm HV trung cổ ngoài những chữ thuộc trang tổ ra, nhiếp giang còn có “泷 trọc [tʰɔk⁶], 学 học [hɔk⁶]” cũng đọc là [ɔŋ], [ɔk]. Có một số chữ âm HV trung cổ đọc là [aŋ], [ak] nhưng âm HV thượng cổ lại đọc là [ɔŋ], [ɔk], ví dụ như “剥” âm HV trung cổ đọc là “bác [bak⁵]” nhưng âm HV thượng cổ đọc là “bóc [bɔk⁵]”, “角” âm HV trung cổ đọc là “giác [zak⁵]” nhưng âm HV thượng cổ đọc là “góc [ɣɔk⁵]”, “项” âm HV trung cổ đọc là “hạng [haŋ⁶]” nhưng âm HV

thượng cổ đọc là “họng [hɔŋ⁶]”. Do vậy, nếu cho rằng khi âm HV trung cổ truyền vào Việt Nam, nhiếp giang đọc là [aŋ], [ak] còn những âm tiết [ɔŋ], [ɔk] là kết quả của sự biến đổi ngữ âm sau này là không hợp lý.

Có người cho rằng âm HV trung cổ có nhiều tầng lớp khác nhau. Những chữ đọc là [ɔŋ], [ɔk] truyền vào Việt Nam trước, những chữ đọc là [aŋ], [ak] truyền vào Việt Nam sau. Nhưng quan điểm này rất khó giải thích tại sao chỉ có các chữ thuộc trang tổ được truyền vào sau, còn các chữ thuộc những tổ khác thì lại được truyền vào trước. Cách giải thích hợp lý chỉ có thể là khi âm HV trung cổ truyền vào Việt Nam, nhiếp giang đọc là [ɔŋ], [ɔk], cách đọc của những chữ thuộc trang tổ là sự phản ánh và lưu giữ cách đọc này. Sau khi truyền vào Việt Nam, nhiếp giang hợp nhất với nhiếp đăng đọc thành [aŋ], [ak], nhưng những chữ thuộc trang tổ không có sự thay đổi về mặt ngữ âm.

Như vậy, khi truyền vào Việt Nam, vận giang của nhiếp giang có cách đọc là [ɔŋ], [ɔk], vận đường dương của nhiếp đặng đọc là [ɑŋ], [ɑk], vận đông chung (冬鍾) của nhiếp thông đọc là [oŋ], [ok]. Vận giang đang đứng giữa vận đường dương và vận đông chung, do vậy vận giang vừa có thể hiệp vần với đường dương vừa có thể hiệp vần với đông chung. Đặc điểm này trùng hợp với diện mạo hợp vần của vận giang trong thơ ca thời kỳ Tề Lương Trần Tùy. Bởi theo như nghiên cứu của Chu Tổ Mô [8]: “Từ sau thời nhà Lương, những chữ thuộc vận giang rất ít khi được dùng để gieo vần, cách gieo vần của vận giang cũng rất phức tạp..., những chữ thuộc vận giang rất ít khi hiệp vần với nhau, trong thời kỳ nhà Lương và

Bắc Tề, chủ yếu hiệp vần với đông chung, đến thời kỳ Bắc Chu, Trần, Tùy chủ yếu hiệp vần với đường dương, đây là sự biến đổi rất rõ nét”. Từ sự phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam từ thời Tề Lương Trần Tùy, hay nói cách khác âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam từ thế kỷ thứ 6 hoặc trước thế kỷ thứ 6. Kết luận này cũng trùng với kết luận rút ra từ việc phân tích đặc điểm phụ âm tắc cuối âm tiết.

1.3. Cách đọc của vận vu u (尤幽)

Ngoài một số ngoại lệ ra, vận vu u thường đọc là [ʃu], [u], [ɰu]. Hãy xem bảng sau đây:

Vu, u	[ʃu]	[u]	[ɰu]	Cách đọc khác	Tổng số
Số lượng	41	83	85	19	228
Tỉ lệ	17.98%	36.40%	37.28%	8.33%	100.00%

Vận vu u và u kết hợp với một số thanh mẫu như sau:

Thanh mẫu	Tĩnh	Thiện	Xương	Trùng	Thanh	Nhật	Tâm	Thư	Tà	Kiến	Dụ tam	Hiếu	Lai	Ni	Minh
[u]	8	6	2	11	4	4	6	6	4	3		1			
[ɰu]				1						11	12	9	18	6	2
[ʃu]								1		1					13
Cách đọc khác	1	2											4	1	1

Những chữ có thanh mẫu là tĩnh, thiện, tà thường đọc là [u], những chữ có thanh mẫu là dụ tam, hiếu, lai, ni thường đọc là [ɰu], trong khi đó những chữ thuộc thanh mẫu minh lại thường đọc là [ʃu]. Do vậy, nếu cho rằng ba cách đọc [ʃu], [u] và [ɰu] của vận vu u phản ánh những tầng lớp khác nhau là điều không hợp lý. Chúng ta hoàn toàn có thể cho rằng khi âm HV trung cổ truyền vào Việt Nam vận vu u đọc là [ʃu], [u] hay [ɰu], nhưng nếu xét đến quy luật biến đổi ngữ âm thì quan điểm cho rằng vận vu u đọc là [u] là hợp lý nhất. Do [u] là nguyên âm cao nên rất dễ

biến thành nguyên âm đôi [ɰu], [ʃu] (thực tế trong tiếng Hán vận vu u cũng đã biến đổi như vậy). Mặt khác, những chữ đọc thành [ɰu] hay [ʃu] ở một mức độ nhất định là do ảnh hưởng của thanh mẫu.

Khi âm HV trung cổ truyền vào Việt Nam, vận vu u đọc là [u], điều này cho thấy: 1. Vận vu u vẫn chưa có giới âm [i]; 2. Vận vu u vẫn chưa có âm cuối [u]. Ở thời “Thiết vận” vận vu u đã có giới âm [i], đây là sự thật được mọi người công nhận. Phan Ngộ Vân cho rằng vận u có giới âm [+], Trịnh Trương Thượng Phương cho rằng

vận vuu có giới âm [ɨ], Lục Trí Vi cho rằng vận vuu có giới âm [ɪ]. Nhưng bất kể là thế nào thì âm HV trung cổ đều truyền vào Việt Nam từ trước thời kỳ “Thiết vận”, bởi trong âm HV trung cổ vận vuu u đọc là [u], vẫn chưa có giới âm [i]. Có thể có người cho rằng khi âm HV trung cổ truyền vào Việt Nam vận vuu u đọc là [iu], sau đó giới âm [i] mất đi. Điều này về lý luận hoàn toàn có thể xảy ra, nhưng trong thực tế ngôn ngữ tiếng Việt (trong đó bao gồm âm HV) cho thấy rằng giới âm [i] chỉ có không ngừng sinh ra chứ không mất đi (các vận tam tứ đẳng đều như vậy). Hơn nữa, quan điểm này cũng không giải thích được tại sao hiện nay rất nhiều chữ của vận vuu u

có cách đọc là [uu] (xem phần dưới).

1.4. Cách đọc của nhiếp quả và nhiếp giả

Trong âm HV trung cổ, cách đọc của hai nhiếp quả và giả là hoàn toàn giống nhau, khai khẩu là a[a] (bao gồm vận ca nhất đẳng khai khẩu, vận qua tam đẳng nhiếp quả, vận ma nhị đẳng và vận ma tam đẳng của nhiếp giả), hợp khẩu đọc là [ua] (bao gồm vận qua nhất đẳng hợp khẩu nhiếp quả, vận ma nhị đẳng hợp khẩu nhiếp giả) và âm môi có cách đọc giống như khai khẩu (âm môi của vận qua và vận ma nhị đẳng hợp khẩu).

Khai khẩu	A [a]	Giả	芭巴 ba、靶 bà、社 xã、车 xa、蛇 xà、射 xạ、家加 gia、嫁驾价 giá、借 tá、马 mã、且 thả、下夏 hạ、谢 tạ、牙 nha、者 giả
		Quả	大 đại、陀 đà、多 đa、歌 ca、左 tả、罗 la、可 khả、軻 kha、何河 hà、贺 hạ、俄鹅 nga、波 ba、播 bá、婆 bà、摩磨 ma、破 phá、茄 cà
Hợp khẩu	oa, ua [ua]	Giả	寡 quả、夸 khoa、华花桦 hoa、化 hóa、媧 oa、瓦 ngõa、瓜 qua
		Quả	坐 tọa、朵 đóa、过戈 qua、果 quả、妥 thỏa、懦 nõa、科 khoa、课 khóa、禾和 hòa、火 hỏa、货 hóa、祸 họa、卧 ngọa

Thi Hương Đông [9] thông qua việc nghiên cứu dịch đối âm của tiếng Hán và tiếng Phạn thời kỳ thập lục quốc đã chỉ ra rằng: “những chữ thuộc nhiếp quả và giả đều được dịch là a. Có điều không giống nhau là những chữ thuộc vận ca dịch là a còn những chữ vận qua dịch là va, hiển nhiên đây là những chữ hợp khẩu, những chữ có thanh mẫu là âm môi thuộc vận qua đều được dịch là a, sở dĩ như vậy là do phụ âm môi đã che giấu giới âm hợp khẩu. Hay nói cách khác, bởi vì những chữ này có thanh mẫu là âm môi nên mới được xếp vào vận qua..., những chữ thuộc vận ma cũng dịch là a, do vận ca qua không kết hợp với một số thanh mẫu, có một số âm tiết có giới âm r hay y thì cũng đều được dịch bằng những chữ thuộc vận ma. Những âm tiết của hai nhiếp này có thể được xây dựng lại là a”.

Đặc điểm âm vận của nhiếp quả và nhiếp giả trong âm HV trung cổ hoàn toàn giống như tài liệu dịch đối âm giữa tiếng Hán và tiếng Phạn thời kỳ thập lục quốc. Đây quả thật là kỳ tích của ngôn ngữ. Chúng ta chỉ có thể cho rằng âm HV

trung cổ được truyền vào Việt Nam vào thời thập lục quốc mới có thể giải thích được kỳ tích này. Ngoài ra, vận qua tam đẳng của nhiếp quả và vận ma tam đẳng của nhiếp giả thời kỳ “Thiết vận” đều đã có giới âm [i], trong khi đó trong âm HV trung cổ giới âm [i] của hai vận này vẫn chưa xuất hiện. Điều này cũng cho thấy âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam trước thời “Thiết vận”. Giáo sư Nguyễn Tài Căn cho rằng âm HV đến thế kỷ thứ 8, thứ 9 mới truyền vào Việt Nam, do vậy ông tìm cách giải thích ngữ âm đã biến đổi thế nào từ thời “Thiết vận” đến âm HV. Cũng chính vì vậy khi bàn về nhiếp quả và nhiếp ma ông [2] đành phải cho rằng: “Trường hợp tam đẳng, giới âm -i- rụng, vì vậy ia, iə cũng dẫn đến A”. Nhưng nếu cho rằng giới âm [i] bị rụng sẽ đi trái ngược lại với quy luật biến đổi ngữ âm của tiếng Việt. Trong tiếng Việt giới âm [i] không ngừng sản sinh chứ không mất đi (xem phần dưới). Ngoài ra, giới âm [i] trong các âm tiết của âm HV thượng cổ như “义 nghĩa[ɲie⁴]、地 địa[diə⁶]、紫 tía[tiə⁵]、离 lia[liə²]、匙

thìa[t'ie²]、碑 bia[bie¹]、皮 bìa[bie²]、池 ðia[ðie²]、支 chia[cie¹]、鞋 hia[hie¹]” tại sao đến nay vẫn không bị mất.

1.5. Giới âm khai khẩu tam đẳng

Pulleyblank là người đầu tiên đưa ra quan điểm cho rằng tam đẳng vốn không có giới âm, sau này Bodman, Trịnh Trương Thượng Phương, Phan Ngô Vân đều tiếp nhận và tìm chứng cứ chứng minh cho quan điểm này. Phan Ngô Vân [10] cho rằng giới âm tam đẳng sản sinh ra từ nguyên âm ngắn của thời thượng cổ: “sau khi phía sau thanh mẫu của những chữ tam đẳng sản sinh ra âm quá độ dạng ω , chúng phát triển rất nhanh về phía trước: $C\omega V > C+iV > CiV$, sau đó biến thành giới âm ngac tam đẳng (三等腭介音)”. Giáo sư Phan [10] đồng thời cũng chỉ ra rằng: “Vận dương của âm HV là $\omega\eta$, vận vuu là ωu , nếu như vào thời đó hai vận này đã có giới âm j hoặc i, người Việt Nam hoàn toàn có thể dịch thành iaη và iu. Điều này cho thấy rằng mãi

đến thời kỳ âm HV, trong phương ngôn mà âm HV mượn, giới âm của hai vận này vẫn còn là âm rất gần với ω ”. Về cơ bản chúng tôi đồng ý với quan điểm của giáo sư Phan, xong chúng tôi đưa ra một vài điểm sửa chữa như sau: 1. Các tài liệu phương ngôn cho thấy rằng khi giới âm $[\omega]$ biến thành $[+]$ rồi biến thành $[i]$ thì nguyên âm chính cũng biến đổi do vậy mô hình $C\omega V > C+iV > CiV$ nên chuyển thành $C\omega V > C+iV' > CiV''$; 2. Trong âm HV trung cổ vận vuu ngoài cách đọc $[\omega u]$ ra còn đọc là $[\text{ʃ}u]$, $[u]$, số lượng chữ đọc là $[u]$ cũng tương đương với số lượng chữ đọc là $[\omega u]$; 3. Âm HV không phải được mượn từ phương ngôn của tiếng Hán mà được mượn từ âm đọc sách của thông ngữ thời kỳ đó (xem phần dưới).

Có rất nhiều chữ trong đó âm HV trung cổ của chúng có giới âm $[i]$ nhưng âm HV thượng cổ không có, song ở đây chúng ta chỉ bàn đến âm HV trung cổ. Giới âm khai khẩu tam đẳng của âm HV trung cổ được thống kê như sau:

Khai khẩu tam đẳng	Không giới âm	i[i] ⁽¹⁾	ư[ư]	uy[ui]	u[u]	Tổng số
Số lượng	1536	402	291	6	34	2269
Tỉ lệ	67.70%	17.72%	12.83%	0.26%	1.50%	100.00%

⁽³⁾Có giới âm $\text{ư}[\omega]$ chủ yếu là vận dương, một số chữ của vận vuu. Không có giới âm chủ yếu là canh tam (庚三), vận thanh (清韵), ma tam, một số chữ của vận u (尤幽), vận xâm (侵韵), một số chữ của vận tiêu (宵韵), vận tế (祭韵), phần lớn các chữ của vận ngư (鱼韵), vận trung (蒸韵), vận chân (真韵), vận hân (欣韵) và các vận của nhiếp chỉ. Có giới âm $u[u]$ chủ yếu là một số chữ của vận thanh. Những vận tam đẳng khác có giới âm $[i]$.

Vận tế của âm HV trung cổ thường đọc là $[e]$. Sở dĩ vậy là do vận tế vốn có âm cuối $[-i]$, chính âm cuối này đã cản trở làm cho giới âm $[i]$ không xuất hiện. Với các chữ có giới âm $\text{ư}[\omega]$ thuộc

các vận như vận dương, một số chữ của vận u, phần lớn các chữ của vận ngư, vận trung, thì chúng ta chỉ có thể cho rằng khi âm HV trung cổ truyền vào Việt Nam giới âm $\text{ư}[\omega]$ vẫn chưa phát triển đến giai đoạn của giới âm $[i]$. Thời đại “Thiết vận” các vận tam đẳng đều đã có giới âm $[i]$, đây là điều đã được các học giả công nhận. Do vậy, âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam từ trước thời “Thiết vận”.

Chúng tôi cho rằng giới âm $\text{ư}[\omega]$ xuất hiện ở giai đoạn trước giới âm $[i]$, giới âm $[i]$ do giới âm $\text{ư}[\omega]$ chuyển thành, lý do của chúng tôi là: 1. Chỉ có như vậy mới phù hợp với quy luật chuyển biến ngữ âm; 2. Cùng một chữ nhưng âm HV trung cổ có giới âm $[i]$, trong khi đó âm HV thượng cổ có giới âm $[\omega]$.

⁽³⁾ Không bao gồm những chữ có nguyên âm chính là $[i]$. Những giới âm khác cũng giống như vậy.

Chữ Hán	劍	劫	騎	鏡	園	越	援	寄	尺	逆
Âm HV trung cổ	kiếm	kiếp	kị	kính	viên	việt	viện	ký	xích	ngịch
Âm HV thượng cổ	gươm	cướp	cưỡi	gương	vườn	vượt	mượn	gửi	thước	ngược

3. Vận đường nhất đẳng của nhiếp đẳng thường đọc là [aŋ], [ak], song có 21 chữ đọc là [uɤŋ]. Đường là nhất đẳng thời “Thiết vận” không thể có giới âm [i], do vậy, 21 chữ ngoại lệ

này cho thấy rằng giới âm [u] không phải là do giới âm [i] biến thành; 4. Trong tiếng Việt hiện đại ngày nay đang diễn ra quy luật chuyển biến ngữ âm từ giới âm [u] sang giới âm [i].

Âm chuẩn	bất chước	ưu tiên	con hươu	rượu	về hưu	cứu người	âm mưu
Âm sai	bất chiếc	yêu tiên	con hiêu	riệu	về hiu	kíu người	âm miu

Trong khi giao tiếp, người miền bắc thường phát âm thành những âm có giới âm [i] (âm ở dòng 2), nếu có người nhắc họ rằng: “Anh nói sai rồi”, ngay lập tức họ ý thức được rằng mình đã phát âm sai và miễn cưỡng bắt buộc mình phát âm thành âm có giới âm [u] (âm ở dòng 1). Điều này chứng tỏ rằng giới âm [u] đang chuyển thành giới âm [i], song quy luật này mới đang diễn ra nên người ta vẫn ý thức được rằng phát âm những âm có giới âm [i] là sai; 5. Vận ngữ của âm HV trung cổ thường đọc là u [u], những chữ thuộc tổ trang thường đọc là ɤ [ɤ]. Trong âm HV thượng cổ, vận ngữ đọc là ua [uɤ] ví dụ như: 御 ngựa [ŋuɤ⁶], 许 hứa [hɤ⁵], 驴 lừa [lɤ²], 序 tựa [tɤ⁶], 贮 chứa [cɤ⁵], 初 xưa [sɤ¹], 疏 thưa [t'ɤ¹], 所 thừa [t'ɤ³], 除 chừa [cɤ²], 锯 cưa [kɤ¹], 距 cựa [kɤ⁶], 御 ngựa [ŋuɤ²]. Cách đọc u [u] của vận ngữ âm HV trung cổ là do cách đọc ua [uɤ] của âm HV thượng cổ biến thành. Nguyên âm chính của [uɤ] là [u], [ɤ] phía sau [u] rất yếu, do chịu ảnh hưởng của quy luật dị hóa [ɤ] ngày càng yếu đi và cuối cùng bị rụng, vận ngữ đọc thành [u]. Những chữ thuộc trang tổ của vận ngữ thì ngược lại, các thanh mẫu của trang tổ có khả năng làm cho nguyên âm

chuyển vào giữa. Do vậy, trong âm đọc [uɤ] của những chữ thuộc trang tổ, [ɤ] mới là nguyên âm chính, [u] là giới âm, [u] một mặt chịu ảnh hưởng của quy luật dị hóa một mặt bị ảnh hưởng của thanh mẫu, cuối cùng bị rụng. Đó chính là nguyên nhân tại sao những chữ thuộc trang tổ của vận ngữ lại có cách đọc là [ɤ]. Nếu như cho rằng vận ngữ của âm HV trung cổ đọc là [iɤ], sau đó [i] rụng, [iɤ] biến thành [u] là không hợp lý, vì như vậy không phù hợp với con đường vận ngữ chuyển biến từ âm HV thượng cổ sang âm Hán trung cổ.

1.6. Giới âm hợp khẩu tam đẳng

Trong âm HV trung cổ, giới âm hợp khẩu tam đẳng được thống kê như sau:

Các vận có giới âm [i] của hợp khẩu tam đẳng chủ yếu là vận tiên, nguyên thuộc nhiếp sơn (元, 仙韵). Các vận không có giới âm [i] chủ yếu là các vận thuộc nhiếp chỉ, vận chung, vận đông tam thuộc nhiếp thông (东三鍾韵), vận dương nhiếp đẳng, vận tế nhiếp giải, vận ngữ nhiếp ngộ, vận chân của nhiếp trần.

Tất cả có 159 chữ hợp khẩu tam đẳng có giới âm [i] (110 chữ có giới âm là uy[ui] và 49 chữ là i[i]), chúng chỉ chiếm 14.21% trong tổng số các chữ hợp khẩu tam đẳng. Tỷ lệ này nhỏ hơn tỷ lệ

của các chữ có giới âm [i] của khai khẩu tam đẳng (402 chữ, chiếm 17.72% tổng số các chữ khai khẩu tam đẳng). Điều này chủ yếu là do hợp khẩu có giới âm cao tròn môi dòng sau [u], chính giới âm [u] này đã kìm chế, làm cho giới âm [i]

sinh ra chậm hơn so với khai khẩu tam đẳng.

Vận chung (鍾韵) trong âm HV trung cổ thường đọc là [uŋ], [uk], nhưng trong âm HV thượng cổ lại đọc là [uoŋ], [uok].

Hợp khẩu tam đẳng	Không có giới âm	u[u]	uy[ui]	i[i]	ư[ɯ]	Tổng số
Số lượng	530	409	110	49	21	1119
Tỉ lệ	47.36%	36.55%	9.83%	4.38%	1.88%	100.00%

Chữ Hán	钟	赎	辱	重	烛	局	宠	垄	属
Âm HV trung cổ	chung	thục	nhục	trọng	chúc	cục	sủng	lũng	thuộc
Âm HV thượng cổ	chuông	chuộc	nhuộc	chuôngg	đuốc	cuộc	chuôngg	luôngg	thuộc

Vận ngu trong âm HV trung cổ đọc là [u], nhưng trong âm HV thượng cổ đọc là ua[uo], ví dụ như: 驱 khua[χuo¹], 主 chúa[cuo⁵], 输 thua[t'uo¹], 符 bùa[buo²], 斧 búa[buo⁵], 舞 múa[muo⁵], 须 tua[tuo¹], 布 bùa[buo³], 注 chua[cuo¹], 务 mùa[muo²]. Nguyên âm chính của [uo] là [u], [o] phía sau [u] rất yếu, do chịu ảnh hưởng của quy luật dị hóa [o] ngày càng yếu đi, cuối cùng bị rụng, vận ngu đến âm HV trung cổ đọc thành [u]. Cách đọc của vận chung và vận ngu trong âm HV trung cổ là do cách đọc từ âm HV thượng cổ của chúng phát triển mà thành. Do vậy, nếu như cho rằng vận chung và vận ngu vốn có giới âm [i], sau đó giới âm [i] bị rụng là không hợp lý, bởi lẽ như vậy sẽ không phù hợp với con đường phát triển của hai vận này từ âm HV thượng cổ đến âm HV trung cổ.

Khai khẩu và hợp khẩu của vận dương đều không có giới âm [i]. Khai khẩu của vận dương đọc là [ɯɤ-], hợp khẩu của vận dương đọc là [uo-], [u] là âm tròn môi của [ɯ], [o] là âm tròn môi của [ɤ]. Trên đây chúng ta đã chứng minh được rằng cách đọc khai khẩu của vận dương là âm đọc có từ trước thời “Thiết vận”, vậy thì cách đọc hợp khẩu của vận dương tương ứng cũng là cách đọc có từ trước thời “Thiết vận” năm 601.

1.7. Chứng cứ ngoài ngôn ngữ

Chứng cứ ngoài ngôn ngữ mà chúng tôi bàn

đến ở đây là chứng cứ về mặt lịch sử. Nhà sử học Trương Hữu Quýnh [11] chỉ ra rằng: “Năm 218 tr.CN, Tần Thủy Hoàng sai hiệu úy Đồ Thư chỉ huy 50 vạn quân chia làm 5 đạo tiến xuống phía nam.”, “Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt chống quân xâm lược Tần trên địa bàn nước Văn Lang bảy giờ kéo dài liên tục năm, sáu năm (từ khoảng năm 214 đến 208 tr.CN)”. Năm 111 tr.CN, Tây Hán thành lập chính quyền tại Giao Chỉ đến tận năm thứ 8 s.CN. “Để nô dịch nhân dân ta về tư tưởng và tinh thần ngay từ thời Tây Hán, trong một chừng mực nhất định, Nho giáo đã được chính quyền đô hộ truyền bá vào nước ta”. Đến thời Đông Hán, “có tới hàng trăm sĩ phu Trung Quốc sang Việt Nam cùng với Sĩ Nhiếp đẩy mạnh việc truyền bá Nho giáo và Hán học ở Giao Châu, họ mở trường dạy học ở Luy Lâu, Long Biên.”, “Ngoài bộ máy quan lại phong kiến phương Bắc từ cấp bộ, quận xuống đến huyện ngày càng được bổ sung, tăng cường hết sức đông đảo, còn có cả gia đình, họ hàng, bà con của bọn quan lại đô hộ đã sang lập nghiệp lâu dài ở Âu Lạc cũ. Từ cuối đời Đông Hán, đầu đời Tam quốc, rồi cuối đời Tây Tấn, do loạn lạc ở Trung Quốc, nhiều người Hán đã vượt biên giới sang nước ta làm ăn sinh sống.” Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo cũng được truyền vào Việt Nam trong thời gian này.

Năm 111 tr.CN, Tây Hán đã thành lập chính quyền tại Giao Chỉ, Triều đại nhà Hán đã xây dựng trường học và dạy chữ Hán tại Giao Chỉ,

âm đọc của chữ Hán được truyền vào Việt Nam cùng với Nho giáo, chữ Hán còn được gọi là “chữ nho [cu⁴ɲɔ¹]” chính là chứng cứ quan trọng. Nho giáo được truyền vào Việt Nam từ thời Hán, trong khi đó một số nhà ngôn ngữ cho rằng chữ Hán và âm HV trung cổ đến thế kỷ thứ 7, thứ 8 mới được truyền vào Việt Nam là điều không hợp lý. Do vậy, xét từ góc độ lịch sử chúng tôi cũng cho rằng âm HV trung cổ muộn nhất cũng được truyền vào Việt Nam vào thế kỷ thứ 5, thứ 6.

Ngoài ra, theo Dương Kiếm Kiều [12] từ chỉ mặt trăng trong tiếng Hán cổ vốn là “Hằng Nga”, nhưng đến thời nhà Hán do kiêng húy Văn Đế Lưu Hằng nên đã đổi thành “Thường Nga”, và Trung Quốc dùng từ “Thường Nga” từ đó đến nay. Trong tiếng Việt chúng ta vẫn dùng từ “Hằng Nga”, “chị Hằng” để chỉ mặt trăng, điều này chứng tỏ từ “Hằng Nga” đã được chúng ta mượn từ thời nhà Hán.

2. Cơ sở ngữ âm của âm Hán Việt trung cổ

Cơ sở ngữ âm của âm HV trung cổ là gì? Khi bàn về âm HV, các học giả thường né tránh không trả lời câu hỏi này. Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn [2] cho rằng: “Cách đọc Hán - Việt là một cách đọc vốn bắt nguồn từ hệ thống ngữ âm tiếng Hán đời Đường, mà cụ thể là Đường âm dạy ở Giao Châu vào giai đoạn bao gồm khoảng hai thế kỷ VIII, IX”. Nói như vậy chúng ta vẫn chưa biết được cơ sở ngữ âm của âm HV trung cổ là gì. Khi bàn về giới âm của tam đẳng, Phan Ngô Vân [10] cho rằng: “Điều này cho thấy mãi đến thời kỳ âm HV, trong phương ngôn mà âm HV mượn, giới âm của hai vận này vẫn còn là âm rất gần với ɯ”⁽⁴⁾, Giáo sư Phan không nói ra cơ sở ngữ âm của âm HV trung cổ là gì, song căn cứ vào câu nói này của ông, chúng ta biết được ông cho rằng cơ sở ngữ âm của âm HV trung cổ là một phương ngôn nào đó của tiếng Hán. Vi Thụ Quan [13] cho rằng: “âm HV trong tiếng Việt không phải được mượn từ âm Trường An, mà được mượn từ phương ngôn Bình Thoại (平话方言). Lý do là:

1. Âm HV khác xa âm Trường An; 2. Bình Thoại từng là phương ngôn rất có ảnh hưởng của Quảng Tây; 3. Trong các phương ngôn của Quảng Tây, chỉ có phương ngôn Bình Thoại có lịch sử lâu đời.
4. Khu vực phân bố của phương ngôn Bình Thoại và tiếng Việt rất gần nhau. 5. Trong phương ngôn Bình Thoại hiện nay rất dễ tìm ra những đặc điểm ngữ âm tương đồng hoặc tương tự với âm HV.”

Đây quả thật là vấn đề rất khó, song vô cùng quan trọng, bởi vì nếu như cơ sở ngữ âm của âm HV là một phương ngôn nào đó của tiếng Hán thì quan điểm cho rằng âm HV trung cổ được truyền vào Việt Nam từ trước thời “Thiết vận” của chúng ta trên đây hoàn toàn bị lật đổ, ý nghĩa và giá trị của việc dùng âm HV trung cổ, thậm chí âm HV thượng cổ để nghiên cứu tiếng Hán trung cổ và tiếng Hán thượng cổ sẽ bị giảm đi rất nhiều.

Trước tiên chúng ta xem xem hiện nay mọi người học ngoại ngữ thế nào. Người Trung Quốc học tiếng Anh sẽ học tiếng Anh chuẩn của Luân Đôn hoặc tiếng Anh Mỹ của Oasington, học tiếng Nhật sẽ học âm chuẩn của Tôkyô, học tiếng Việt sẽ học tiếng Hà Nội (một số ít người học tiếng Thành phố Hồ Chí Minh, song tiếng Thành phố Hồ Chí Minh không khác xa mấy so với tiếng Hà Nội). Người Việt Nam cũng vậy, học tiếng Hán sẽ học tiếng phổ thông (lấy âm Bắc Kinh làm cơ sở ngữ âm).

Chúng tôi cho rằng ngày xưa các cụ ta học ngoại ngữ cũng giống như bây giờ. Người Việt Nam không thể học một phương ngôn của tiếng Hán, mà học âm đọc sách của thông ngữ được lưu truyền rộng rãi thời bấy giờ. Nhìn từ góc độ mục đích của việc học tập, người Việt Nam xưa học tiếng Hán để tham gia thi cử, để làm quan, để giao tiếp với chính quyền phương Bắc, như vậy thì sao có thể học một phương ngôn được. Nhìn từ đối tượng dạy học, các thầy giáo lúc bấy giờ thường là các quan lại của chính quyền phương Bắc, về sau có một số người Việt học giỏi đỗ đạt cũng tham gia vào đội ngũ này, họ nhất định nắm rất chắc âm đọc sách của thông ngữ thời bấy giờ.

Vi Thụ Quan đưa ra 5 lý do, song lý do thứ 2 và thứ 3 chỉ là một phần của lý do thứ 4. Trước

⁽⁴⁾ Đường kẻ gạch chân là do chúng tôi thêm vào.

tiên, ông cho rằng: “âm HV khác xa âm Trường An”, ông so sánh giữa thanh mẫu của âm HV và thanh mẫu của “Thiết vận” và đưa ra kết luận như sau: “Chỉ có rất ít thanh mẫu của âm HV giống với thanh mẫu của “Thiết vận”, đại đa số là không giống nhau”, “trong tiếng Việt rõ ràng là có các thanh mẫu ts, s, z (ví dụ như ts⁵ “狗”、sau⁵ “六”、za¹ “皮”), nhưng khi mượn các thanh mẫu tinh (ts), tâm (s), tà (z) của tiếng Hán lại đều đọc thành t...; rõ ràng là có thanh mẫu t... nhưng khi mượn thanh mẫu đoan (t) của tiếng Hán lại đọc thành d...” Trước tiên, chúng tôi cho rằng ông Vi đã không có quan điểm lịch sử phát triển khi nhìn nhận vấn đề này. Ông đem thanh mẫu của tiếng Việt so sánh với thanh mẫu của “Thiết vận” ở trạng thái tĩnh. Theo ông, tiếng Việt hiện nay (bao gồm cả âm HV) vẫn giống như tiếng Việt ngày xưa, không hề có thay đổi hay phát triển gì; Thứ hai, chúng tôi cho rằng ông không hiểu sâu về tiếng Việt, không biết được rằng âm [t], âm [d] của tiếng Việt bắt nguồn từ đâu.

Hệ thống thanh mẫu, vận mẫu của âm HV trung cổ đối ứng rất chặt chẽ với hệ thống âm vận của “Thiết vận”, điểm này Vương Lực, H. Maspero, Nguyễn Tài Cẩn, và Tam Căn Cốc Triệt đều đã chỉ ra. Đặc điểm âm vận của tiếng Hán trung cổ mà âm HV trung cổ lưu giữ còn nhiều hơn các phương ngôn phương bắc của tiếng Hán (bao gồm cả phương ngôn Bắc Kinh).

Lý do thứ 2, 3 và 4 của ông Vi là “Bình Thoại từng là phương ngôn rất có ảnh hưởng của Quảng Tây”, “trong các phương ngôn của Quảng Tây, chỉ có phương ngôn Bình Thoại có lịch sử lâu đời”, “khu vực phân bố của phương ngôn Bình Thoại và tiếng Việt rất gần nhau.”, do vậy âm HV được mượn từ phương ngôn Bình Thoại. Vị trí địa lý có ảnh hưởng nhất định đến ngữ âm, song không phải là nhân tố duy nhất, ngoài địa lý ra, còn các nhân tố khác như lịch sử, văn hóa, chính trị, di dân ... cũng ảnh hưởng đến ngữ âm. Nếu như chúng ta quan sát bản đồ phương ngôn Trung Quốc chúng ta sẽ nhận thấy rằng các phương ngôn không hề có danh giới rõ ràng, trong phương ngôn A có thể có đảo phương ngôn của phương ngôn B, hơn nữa âm HV lại không

phải nằm ở trong đất nước Trung Quốc.

Lý do thứ 5 của ông Vi là: “Trong phương ngôn Bình Thoại hiện nay rất dễ tìm ra những đặc trưng ngữ âm tương đồng hoặc tương tự với âm HV.” Thứ nhất, âm HV trung cổ và phương ngôn Bình Thoại của Quảng Tây đều do thông ngữ phát triển mà thành. Thứ hai, Việt Nam và Quảng Tây có vị trí địa lý gần nhau, cơ quan cấu âm của người Quảng Tây và người Việt Nam gần giống nhau, do vậy trong phương ngôn Bình Thoại tìm thấy những đặc trưng ngữ âm tương đồng hoặc tương tự với âm HV là điều dễ hiểu. Điều này cũng giải thích tại sao ngày nay người Việt Nam học tiếng phổ thông nhưng khi giao tiếp với người miền Bắc Trung Quốc, thì họ thường cho rằng người Việt Nam là người thuộc vùng nào đó ở phương nam của Trung Quốc.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vương Lực, *Long trùng tịnh điều trai văn tập*, Trung Hoa Thư Cục, 1982.
- [2] Nguyễn Tài Cẩn, *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, NXB Khoa học Xã hội, 1979.
- [3] Triệu Thành, *Trung Quốc cổ đại vận thư*, Trung Hoa thư cục, 1979.
- [4] Lưu Bảo Minh, Hiện tượng thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ trong các từ có nhiều cách đọc của “Quảng vận”, *Luận văn hội nghị ngôn ngữ học Hán Tạng lần thứ 23 (năm 1990 tại Arlington Mỹ)*.
- [5] Lại Giang Cơ, Xem xét hiện tượng thanh thượng toàn trắc biến thành thanh khứ qua cách dùng vần trong thơ Bạch Cư Dị, *Tế Nam học báo số 4 (1982) 97*.
- [6] Trương Thiệu Ngu, *Cận đại Hán ngữ nghiên cứu khái yếu*, NXB Đại học Bắc Kinh, 2005.
- [7] Thi Hương Đông, Dịch đối âm giữa tiếng Hán và tiếng Phạn trong tác phẩm của Huyền Trang và phương âm Trung nguyên thời sơ Đường, *Ngôn ngữ nghiên cứu số 1 (1983) 27*.
- [8] Chu Tô Mô, *Nghiên cứu về vận bộ trong thi ca thời Tề Lương Trần Tùy*, Chu Tô Mô ngôn ngữ học luận văn tập, Thương Vụ Ấn Thư Quán, 2001.
- [9] Thi Hương Đông, Đối âm trong các bản dịch kinh thời đại thập lục quốc (phần vận mẫu), *Thiên Tân Đại học học báo kỳ 1 quyển 3 (2001) 24*.
- [10] Phan Ngô Văn, “*Hán Ngữ lịch sử âm vận học*”, NXB Giáo dục Thượng Hải, 2000.

- [11] Trương Hữu Quỳnh (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, Tập 1, NXB Giáo dục, 2004.
- [12] Dương Kiếm Kiều, *Phong song ngữ văn trát ký*, NXB Đại học Phúc Đán, 2009.
- [13] Vi Thụ Quan, Bàn về quan hệ giữa âm Hán Việt của Việt Nam và phương ngôn Bình Thoại của tiếng Hán. *Báo học viện dân tộc Quảng Tây*, Kỳ 2 quyển 23 (2001) 127.

The formation time of Sino-Vietnamese and its phonetics basis

Nguyen Dinh Hien

*Department of Chinese Language and Culture, University of Languages and International Studies,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

When was Sino-Vietnamese delivered into Vietnam? Linguists have different opinions about this. Wang Li thought that from the Mid-Tang dynasty, H. Maspero said that it was since the 9th, 10th century, Nguyen Tai Can found that since the 8th, 9th century. In this article, from the perspective of history and language, we think that Sino-Vietnamese was transferred to Vietnam since the 6th century or even before that.

Key Words: Sino-Vietnamese, initials, finals, opened mouth, closed mouth.